

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của
Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020
và định hướng đến năm 2025**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1.1. Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết

Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (*gọi tắt là Nghị quyết 06-NQ/TU*) được ban hành có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm cụ thể hóa chủ trương, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Trong đó, đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ được xem là tiền đề tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, đây là nội dung rất lớn, có phạm vi rộng, liên quan đến tất cả các cấp, các ngành; để triển khai Nghị quyết đạt hiệu quả cần có sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 41-HD/BTGTU, ngày 07/12/2016 hướng dẫn tuyên truyền Nghị quyết số 06-NQ/TU; việc tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền nội dung Nghị quyết rộng khắp đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động ở các cấp, các ngành và địa phương nhằm nắm bắt và tích cực tham gia thực hiện các nội dung của Nghị quyết. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết bằng nhiều hình thức như: Trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương; thông qua các hội nghị, hội thảo, các ấn phẩm, các phương tiện truyền thông, báo, đài, internet,... Nhìn chung, Nghị quyết số 06-NQ/TU được quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, liên tục, từng bước đi vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Xác định xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh bám sát các nghị quyết, chỉ thị, quy hoạch, chiến lược, đề án của Trung ương và Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch triển khai nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 06-NQ/TU, cụ thể:

- Văn bản số 7159/UBND-KH, ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 95/2018/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 về sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được giao tại các quyết định của UBND tỉnh: Số 1193/QĐ-UBND, ngày 05/6/2017; số 2034/QĐ-UBND, ngày 23/9/2017; số 1631/QĐ-UBND, ngày 31/7/2020; các văn bản chỉ đạo rà soát điều chỉnh, bổ sung danh mục kêu gọi thu hút đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 các dự án vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 759/QĐ-UBND, ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch thực hiện của từng ngành, từng địa phương để làm cơ sở triển khai thực hiện (*như: Kế hoạch số 17/KH-TNM, ngày 19/12/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 4563/KH-SGDĐT, ngày 22/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 595/KH-KCN, ngày 21/12/2016 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Quyết định số 2203/QĐ-UBND, ngày 06/7/2017 của UBND thành phố Đà Lạt; Nghị quyết số 06-NQ/HU, ngày 14/4/2017 của Huyện ủy Lạc Dương; Chương trình hành động số 28-CTr/HU, ngày 14/3/2017 của Huyện ủy Di Linh...*).

Nhìn chung, công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU được triển khai nghiêm túc, đầy đủ thông qua việc xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch chung của tỉnh và kế hoạch chi tiết từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết

- Đến năm 2021, hệ thống các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng; tuy nhiên, một số tuyến đường đến kỳ trung, đại tu nhưng chậm được đầu tư như Quốc lộ 27, 28, 28B, 55..., tồn tại điểm nghẽn về hiệu quả kết nối (*đường Trường Sơn Đông chưa thông suốt; QL.20 đoạn qua đèo Bảo Lộc thường xuyên sạt lở, ùn tắc giao thông*). Hệ thống đường tỉnh gồm các tuyến ĐT.722, ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và ĐT.729 chậm đầu tư nâng cấp theo định hướng quy hoạch (*chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, hoàn thành quy hoạch, bố trí quỹ đất để kêu gọi đầu tư các điểm dừng, đỗ; hoàn thành hệ thống đèn tín hiệu tại các nút giao thông chủ yếu trên địa bàn thành phố Đà Lạt,... (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Hệ thống đường giao thông nông thôn toàn tỉnh có tổng số 7.480 km đường huyện, xã và đường giao thông nông thôn đến hết năm 2021 (*số km được cứng hóa khoảng 6.313 km đạt tỉ lệ 84%*); số xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa 111/111 xã, đạt tỷ lệ 100% (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đã và đang triển khai thực hiện đầu tư hầu hết các công trình thủy lợi trọng điểm trong danh mục (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2020 khoảng 44.265 ha, đạt khoảng 21% diện tích cần tưới; diện tích cần tưới đạt 136.736 ha, chiếm 66% diện tích cần tưới toàn tỉnh (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Bố trí vốn ngân sách để thực hiện Đề án hỗ trợ và phát triển hệ thống ao hồ nhỏ trong giai đoạn 2016 - 2021 là 44.143 triệu đồng (*đạt 70% so với kế hoạch*). Giai đoạn 2016 - 2021 đã đào được 2.996 ao hồ nhỏ, khối lượng đào hơn 7,9 triệu m³, đạt 95% kế hoạch; diện tích phục vụ tăng thêm 11.381 ha, đạt 136% kế hoạch (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2431/QĐ-UBND, ngày 23/11/2018 về việc phê duyệt thí điểm xây dựng Làng đô thị xanh tại xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến nay, tất cả các đô thị của tỉnh đều được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy cấp nước sinh hoạt, hiện đáp ứng khoảng 72% nhu cầu sử dụng nước của người dân các đô thị (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết 2021, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn tại các đô thị đạt 92%. Phân đấu đến năm 2025 đạt 95% theo chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

- Đến hết năm 2021, các đô thị loại IV chưa hoàn thành hệ thống thu gom nước thải tập trung và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt (*Chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, có 142/142 xã, phường, thị trấn (đạt tỷ lệ 100%) có điện từ hệ thống điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân có điện đạt 99,84%; trong đó, tỷ lệ số hộ có điện ở nông thôn đạt 99,73% (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, đã hoàn thành các dự án: Chợ đầu mối nông sản Đức Trọng, Trung tâm dịch vụ tổng hợp Bảo Lộc; phân đấu đến hết năm 2025 hoàn thành Trung tâm giao dịch rau, hoa Đà Lạt (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Lộc Sơn đạt 80,79%, Khu công nghiệp Phú Hội đạt 85,72 % diện tích đất công nghiệp toàn khu (*chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Tổng diện tích 06/10 cụm công nghiệp đã thành lập 199,4 ha; đến hết năm 2021 tỷ lệ lấp đầy đạt 58,63% (*chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 91,1%, trong đó tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo QCVN là 32,5% (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 107/142 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Đến hết năm 2021, tỷ lệ chung về trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh đạt tỷ lệ 81,38%. Trong đó: Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 84,88%; Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 87,38%; Trường trung học cơ sở đạt

chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 73,88%; Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 67,85% (đạt và vượt so với Nghị quyết^{1]} đề ra).

- Đến hết năm 2021, 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế (vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra).

- Đến hết năm 2021 có trên 94% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận giữ vững danh hiệu văn hóa; 95,68 số xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 83,87% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị (đạt chỉ tiêu Nghị quyết).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực:

2.1. Hạ tầng giao thông: Sau 05 năm thực hiện đột phá chiến lược xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ (giai đoạn 2016 - 2021), hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh tiếp tục có bước chuyển biến hết sức rõ nét, nhiều công trình lớn, hiện đại được đưa vào khai thác (như: QL.20 đoạn Bảo Lộc - Đà Lạt; đường ĐT.725 đoạn Tà Nung - Tân Lâm, đoạn Lâm Hà - Di Linh, đường nối Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm đến cao tốc Liên Khương - Prenn, đường ĐT.724 đoạn Đức Trọng - Lâm Hà - Đam Rông...) góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, kết nối giữa tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh Tây Nguyên, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Đến nay, tỉnh Lâm Đồng có hệ thống giao thông khá hoàn chỉnh, với khoảng 9.300 km giao thông đường bộ, trong đó: 19 km đường cao tốc; 507 km đường quốc lộ; 663 km đường tỉnh; 651 km đường đô thị và gần 7.500 km đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn. Bên cạnh đó, hạ tầng hàng không tiếp tục được mở rộng, khai thác; công tác xã hội hóa được thực hiện có hiệu quả ở các lĩnh vực: Thu hút đầu tư xây dựng khai thác hệ thống bến, bãi đậu xe; đầu tư khai thác các tuyến xe buýt phục vụ giao thông công cộng nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của nhân dân và khách du lịch, với một số kết quả nổi bật như sau:

- Về giao thông đường bộ: Được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; sự vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách, tranh thủ huy động hiệu quả các nguồn lực của Trung ương và địa phương, tỉnh Lâm Đồng đã tập trung nguồn lực đầu tư ưu tiên cho các công trình, dự án hạ tầng giao thông, cụ thể:

+ Về giao thông đối ngoại: Bộ Giao thông Vận tải đã hoàn thành nâng cấp, mở rộng toàn tuyến QL.20 theo quy hoạch; đang tiếp tục đầu tư tuyến tránh QL.20 đoạn tránh thành phố Bảo Lộc dài 15,3 km; hoàn thành tuyến QL.27 đoạn tránh sân bay Liên Khương dài 6,2 km; nâng cấp mở rộng các tuyến QL.28B dài 69 km, đoạn đèo Mimosa và các cầu yếu trên QL.20; đang đề xuất dự án nâng cấp cải tạo QL.27 đoạn Km0 - Km174 qua địa bàn hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng thuộc danh mục dự án cấp thiết sử dụng vốn của Chương trình phục hồi kinh tế của Chính phủ trong giai đoạn 2021 - 2025. Đối với đoạn tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương do UBND tỉnh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang hoàn

^{1]} Nghị quyết: Mầm non: 70-80% đạt chuẩn quốc gia. Tiểu học: 85-90% đạt chuẩn quốc gia. Trung học: 65-70% đạt chuẩn quốc gia.

thành bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư theo hình thức đối tác công tư để trình phê duyệt, dự kiến đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2022 - 2026.

+ Về giao thông đối nội: Tập trung huy động các nguồn vốn ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn ngân sách địa phương... với trên 5.500 tỷ đồng, chiếm trên 36% vốn đầu tư phát triển của tỉnh để đầu tư nâng cấp mở rộng 110 km đường tỉnh, 431 km đường huyện, đường đô thị, hơn 2.408 m cầu và nhiều công trình giao thông khác.

+ Về công tác đầu tư, phát triển giao thông nông thôn: Triển khai thực hiện thành công Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 theo phương thức “*Nhân dân làm công trình - nhà nước hỗ trợ vật tư*”. Đến nay, hệ thống đường giao thông nông thôn toàn tỉnh có tổng số 7.480 km đường huyện, xã và đường giao thông nông thôn (trong đó khoảng 6.313 km được cứng hóa, kinh phí đầu tư khoảng 5.862 tỷ đồng); 111/111 xã có đường giao thông đến trung tâm xã, đạt tiêu chí giao thông trong bộ tiêu chí nông thôn mới (đạt tỷ lệ 100%), góp phần xây dựng 107/111 xã được công nhận là xã nông thôn mới; có 27/111 xã được công nhận nông thôn mới nâng cao, có 10/111 xã công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu (còn một số xã đang chờ quyết định công nhận).

- Về giao thông đường hàng không: Giao thông hàng không tiếp tục phát triển, mở mới các đường bay kết nối các tỉnh trong nước và quốc tế; sân bay Liên Khương là 01 trong 05 cảng hàng không hoạt động có hiệu quả trong tổng số 22 cảng hàng không trên cả nước, hiện khai thác 09 tuyến bay nội địa (đi và đến từ: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh, Hải Phòng, Huế, Cần Thơ, Thanh Hóa, Phú Quốc), 02 tuyến bay quốc tế thường lệ (Bangkok - Thái Lan, Kuala Lumpur - Malaysia) một số chuyến bay quốc tế phục vụ du lịch (Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Campuchia...) với sự tham gia của các hãng hàng không Vietnam Airlines, Vietjet Air, Pacific Airlines, Bamboo Airways, Thai Vietjet, Korean Air, Qingdao Airlines, Air Asia...; tần suất khai thác tại sân bay Liên Khương trung bình khoảng 28 - 30 chuyến/ngày, cao điểm vào mùa du lịch có thể tăng lên trên 50 chuyến/ngày; vận tải hành khách tăng bình quân 30%/năm, vận tải hàng hóa tăng 32%/năm². Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có văn bản đề xuất Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương thực hiện thủ tục đầu tư để nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương từ cấp 4D lên thành cảng hàng không quốc tế cấp 4E theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2.2. Hạ tầng thủy lợi:

- Hạ tầng thủy lợi của tỉnh được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức sản xuất. Nhiều dự án, công trình thủy lợi trọng điểm tại các vùng sản xuất tập trung đã và đang từng bước được quan tâm đầu tư (hồ Đạ Lây, hồ Đạ Sị cơ bản hoàn thành; hồ Đông Thanh, hồ Ta Hoét, hồ Ka Zam

² Trước khi dịch Covid-19 bùng phát thì năm 2019 lượt hành khách thông qua Cảng đạt 2.005.575 khách (vượt mức công suất thiết kế của nhà ga), sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt 7.392 tấn, với tần suất khai thác từ 30 -40 chuyến/ngày (vận tải hành khách tăng trung bình 30%/năm, vận tải hàng hóa tăng trung bình 32%/năm, số lần bay tăng trung bình 20%/năm).

đang triển khai thực hiện). Kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp được tăng cường, đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, từng bước thay đổi bộ mặt của vùng nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Đến hết năm 2020, diện tích cần tưới đạt 132.086 ha (*chiếm 65% diện tích cần tưới, tăng 6,6% so với năm 2015*). Năm 2021, diện tích được tưới đạt 136.736 ha (*chiếm 66% diện tích cần tưới, tăng 7,6% so với năm 2015*), trong đó: Diện tích được tưới từ công trình thủy lợi tập trung đạt 46.169 ha (*tăng 2.856 ha so với năm 2015*).

- Toàn tỉnh hiện có 435 công trình thủy lợi (*58 công trình do cấp tỉnh quản lý; 377 công trình do cấp huyện và các doanh nghiệp quản lý*); bao gồm: 223 hồ chứa và liên hồ chứa (*trong đó có khoảng 128 hồ chứa nhỏ*); 90 đập dâng; 19 trạm bơm; khoảng 1.200 km kênh mương (*đã kiên cố được khoảng 860 km kênh, đạt tỷ lệ 72%*); 91 đập tạm; 12 kênh tiêu; hệ thống công trình trên đã chủ động cấp nước tưới cho khoảng 46.169 ha đất canh tác. Nhiều dự án thủy lợi trọng điểm đã và đang được đầu tư sẽ góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra³.

- Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2020 khoảng 38.508 ha, đạt khoảng 19% diện tích cần tưới. Đến cuối năm 2021, đạt khoảng 44.265 ha (*tăng 25.252 ha so với năm 2015*), trong đó: Tưới phun mưa 40.061 ha (*rau 23.967 ha, hoa 2.194 ha, chè 2.517 ha, cà phê 3.760 ha, cây ăn quả 7.489 ha, cây dược liệu 134 ha*); tưới nhỏ giọt 3.929 ha (*rau 3.089 ha, hoa 714 ha, cà phê 22 ha, cây ăn quả 104 ha*); thủy canh hồi lưu 65 ha; vườn ươm cung cấp nước tưới, dinh dưỡng qua hệ thống tự động hoặc bán tự động 210 ha. Diện tích sản xuất nông nghiệp áp dụng biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 21% diện tích canh tác cần tưới.

- Đào ao hồ nhỏ: Kết quả bố trí vốn ngân sách để thực hiện Đề án hỗ trợ và phát triển hệ thống ao hồ nhỏ trong giai đoạn 2016 - 2021 là 44.143 triệu đồng (*đạt 70% so với kế hoạch*); đã đào được 2.996 ao hồ nhỏ, khối lượng đào hơn 7,9 triệu m³ (*đạt 95% kế hoạch*), diện tích phục vụ tăng thêm 11.381 ha (*đạt 136% kế hoạch*). Tổng kinh phí thực hiện 71.805 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách 39.218 triệu đồng, nhân dân đóng góp 32.587 triệu đồng.

2.3. Hạ tầng đô thị: Nhìn chung các chỉ tiêu về lĩnh vực quy hoạch, phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị được quan tâm đầu tư; việc quy hoạch được thực hiện đồng bộ theo quy hoạch chung xây dựng các đô thị, quy hoạch xã nông thôn mới; cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 15 đơn vị hành chính được công nhận cấp đô thị, bao gồm 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV và 11 đô thị loại V.

- Về quy hoạch xây dựng: Theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg, ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch vùng tỉnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1989/KH-UBND, ngày 07/3/2017 triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện (*gồm 07 huyện: Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, Đam Rông*), hiện 04 đề án đã được phê duyệt (*Đạ*

³ Dự án hồ thủy lợi: Đạ Lây, Đạ Sị, Đông Thanh, Ta Hoét, Ka Zam...

Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai, Lâm Hà); 02 đồ án UBND tỉnh đang xem xét phê duyệt (*Di Linh, Bảo Lâm*); 01 đồ án đã thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và đang hoàn thiện trình thẩm định (*Đam Rông*); bên cạnh đó theo Kế hoạch số 6122/KH-UBND, ngày 15/9/2017 triển khai Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu (gồm 13 đô thị): 04 đồ án đã được phê duyệt (*thị trấn Madaguôi, huyện Đạ Huoai; thị trấn Di Linh, huyện Di Linh; thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh*), 01 đồ án đã thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt (*thành phố Bảo Lộc*), 08 đồ án đã được phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và đang triển khai lập đồ án quy hoạch. Đối với quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện (23 đồ án): 07 đồ án đã được phê duyệt; 07 đồ án đã được phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; 01 đồ án đang hoàn thiện nhiệm vụ, dự toán; 08 đồ án chưa triển khai.

- Về Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận: Đồ án quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị Khu trung tâm Hòa Bình được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND, ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh; Đồ án thiết kế đô thị Trục di sản Đông - Tây đã tổ chức lấy ý kiến; Đồ án thiết kế đô thị tuyến cây xanh cảnh quan Bắc - Nam đang hoàn thiện; quy hoạch phân khu (26 đồ án): 22 đồ án đã được UBND tỉnh phê duyệt; 02 đồ án đang tổ chức lập; quy hoạch chi tiết (7 đồ án)⁴; Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu du lịch hồ Tuyền Lâm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 và phê duyệt quy định quản lý theo đồ án tại Quyết định số 2649/QĐ-UBND, ngày 07/12/2017; quy hoạch chung thị trấn Lạc Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 59/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017. Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch Đankia - Suối Vàng được HĐND tỉnh thông qua; Đồ án Quy hoạch chung đô thị Đức Trọng (thay cho Đồ án Quy hoạch chung đô thị Liên Nghĩa - Liên Khương đã được phê duyệt tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND, ngày 12/4/2006 của UBND tỉnh hiện đang tạm ngưng triển khai) đã thẩm định, lấy ý kiến Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt; Khu du lịch hồ Đại Ninh đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục còn lại để triển khai thực hiện theo quy hoạch dự án được duyệt (dự kiến triển khai từ Quý III/2022); Quy hoạch chung đô thị Finôm - Thanh Mỹ đã phê duyệt đồ án (theo Quyết định số 637/QĐ-UBND, ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh); Quy hoạch chung đô thị Đ'ran đã thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh trước khi phê duyệt; Khu tiểu thủ công nghiệp (cụm công nghiệp) Ka Đô hiện đang xem xét đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch; quy hoạch chung đô thị Nam Ban đang chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ thẩm định, phê duyệt.

- Về điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đã được chấp thuận chủ trương của Chính phủ tại Văn bản số 6364/VPCP-CN, ngày 11/9/2021 của Văn phòng Chính phủ, hiện nay UBND tỉnh đã trình Bộ Xây

⁴ 02 đồ án đã phê duyệt: QHCT khu vực Triệu Việt Vương - An Bình, phường 3 (A6') và QHCT khu dân cư T21, Phường 4 (A14); 01 đồ án đã phê duyệt và hủy bỏ quy hoạch: QHCT KDC tái định cư Ngô Thì Sĩ, Phường 4 (A15); 01 đồ án đã phê duyệt, tạm ngưng để thu hút đầu tư (QHCT KDC sinh viên Nguyễn Hoàng); 01 đồ án gộp chung với QHPK B6: QHCT Khu vực đồi Thông tin, Phường 8 (A13); 01 đồ án đang thẩm định (QHCT khu vực dọc suối Cam Ly, phường 3 - 4 - 5 (A3)); 01 đồ án đang triển khai: QHCT khu vực Trần Hưng Đạo, Phường 10 (A8 - khu bảo tồn kiến trúc).

dựng thẩm định, báo cáo Chính phủ phê duyệt làm cơ sở tổ chức lập đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch.

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Đến nay, 100% xã có quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết trung tâm xã (*111/111 xã*).

- Về phát triển kết cấu hạ tầng đô thị: Đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, Bộ Xây dựng đã đồng ý việc lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh được thực hiện đồng thời với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, đến nay đã hoàn thành dự thảo Chương trình. Trên cơ sở Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 12/2018, các cơ quan, đơn vị liên quan đã rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh để thống nhất về một số nội dung cho phù hợp Quy hoạch, lấy ý kiến thống nhất của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng; hiện nay đã thực hiện các bước thẩm định và trình phê duyệt theo quy định.

- Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị: Đối với các địa phương thuộc kế hoạch nâng loại đô thị lên loại IV trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023, căn cứ nội dung Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các địa phương đã chủ động rà soát, dự thảo Chương trình phát triển đô thị thuộc địa bàn quản lý. Hiện nay, một số địa phương đang triển khai thực hiện, gồm: Thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; huyện Đức Trọng, thị trấn Di Linh - huyện Di Linh, thị trấn Đình Văn - huyện Lâm Hà. Theo kế hoạch, Chương trình phát triển đô thị đối với các đô thị trên địa bàn tỉnh dự kiến sẽ hoàn thành và trình phê duyệt trong giai đoạn 2022 - 2023.

- Thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh: Theo Quyết định số 84/QĐ-TTg, ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ thành phố Đà Lạt là địa phương được lựa chọn thí điểm phát triển đô thị tăng trưởng xanh. UBND tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo các sở, ngành và UBND thành phố Đà Lạt triển khai thực hiện. Hiện nay, UBND thành phố Đà Lạt đang phối hợp Tổ chức Tăng trưởng xanh toàn cầu (*GGGI*) triển khai chương trình thí điểm Đô thị tăng trưởng xanh, trong đó đã thực hiện lồng ghép các nội dung về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh vào các đồ án quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị; thí điểm xây dựng “*Làng đô thị xanh*” tại xã Xuân Thọ - thành phố Đà Lạt, triển khai đề án xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố thông minh, kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh...

- Về phát triển giao thông đô thị: Tinh ưu tiên triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị tại các địa phương, quan tâm đầu tư hệ thống đường vành đai, đường tránh đô thị để đảm bảo việc mở rộng không gian đô thị, vừa thực hiện giải pháp chống ùn tắc trong khu vực đô thị, vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho kỳ quy hoạch. Đối với các tuyến đường giao thông chính trong đô thị, tỷ lệ nhựa hóa so với năm 2015 tăng từ 80% lên 88%, nâng mật độ đường giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt từ 7 - 10km/km². Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 990 tuyến đường giao thông đô thị với tổng chiều dài khoảng 1.141 km, trong đó có 79 tuyến giao thông trục chính với tổng chiều dài 250,04 km. Các tuyến đường cơ bản được đầu tư đồng bộ (*từ nền đường, vỉa hè, cây xanh, thoát*

nước mặt và hệ thống chiếu sáng công cộng); đồng thời đảm bảo chức năng kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại (*với Quốc lộ 20; 27; 28 và các trục giao thông liên tỉnh khác*).

- Về cấp nước đô thị: Tập trung vừa nâng cấp các nhà máy cấp nước, vừa đầu tư mở rộng hệ thống đường ống mạng lưới cấp nước đến các khu dân cư; tất cả các đô thị tại tỉnh Lâm Đồng đều được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy cấp nước sinh hoạt, hiện đáp ứng khoảng 72% nhu cầu sử dụng nước của người dân các đô thị (*chỉ tiêu tại Nghị quyết Đảng bộ đến năm 2025 là 80%*), riêng thành phố Đà Lạt là 95%. Trong thời gian tới, sẽ nâng cấp Nhà máy cấp nước tại Hồ Nam Phương - thành phố Bảo Lộc, đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước tại hồ Lộc Thắng - huyện Bảo Lâm, kết nối việc đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường ống cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; tiếp tục kêu gọi đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tại các đô thị.

- Về vệ sinh môi trường: Quy hoạch quản lý chất thải rắn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1900/QĐ-UBND, ngày 15/9/2014, đến nay có 03 nhà máy đi vào hoạt động⁵; trong năm 2022 sẽ tiếp tục đầu tư các nhà máy xử lý tại các huyện Đức Trọng, Đa Huoai, Di Linh, Lâm Hà (*đã hoàn tất thủ tục đầu tư*), đồng thời kêu gọi đầu tư xã hội hóa đối với các nhà máy khác theo Quy hoạch. Đến nay tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 92% (*chỉ tiêu tại Nghị quyết Đảng bộ đến năm 2025 là 95%*); phấn đấu đến năm 2025 các đô thị được đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, đạt tỷ lệ thu gom trên 95% lượng chất thải rắn phát sinh.

- Thoát nước và xử lý nước thải: Việc đầu tư hệ thống giao thông tại các đô thị được quan tâm, chú trọng việc đầu tư đồng bộ, đảm bảo hệ thống thoát nước mặt (*qua hệ thống cống, mương...*) do đó cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thoát nước, hạn chế tối đa tình trạng ngập úng cục bộ tại trung tâm các đô thị. Đối với xử lý nước thải tại đô thị đến hết năm 2021 có khoảng 42% dân cư đô thị Đà Lạt được hưởng dịch vụ thoát nước, tăng 22% so với năm 2010.

2.4. Hạ tầng năng lượng: Đến nay, nhiều dự án đầu tư thuộc lĩnh vực cung cấp năng lượng đi vào hoạt động đã tạo ra nguồn năng lượng ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu năng lượng điện phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp, mang về nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách Nhà nước.

- Phát triển năng lượng: Hiện có 33 nhà máy thủy điện đang vận hành với tổng công suất là 2.084,3 MW⁶; trong giai đoạn 2016 - 2021, có 15 dự án thủy điện hoàn thành và đưa vào vận hành với tổng công suất lắp đặt 316,3 MW, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Hiện có 16 dự án đã bổ sung quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư với công suất là 322,1 MW (*trong đó 14 dự án thủy điện 203,2 MW và 2 dự án điện gió 118,9 MW*⁷); 08 dự án đã bổ sung quy hoạch, chưa được cấp

⁵ Nhà máy xử lý chất thải rắn (CTR) Xuân Trường, thành phố Đà Lạt công suất 200 tấn/ngày, Nhà máy xử lý CTR thành phố Bảo Lộc công suất 200 tấn/ngày và nhà máy xử lý CTR Đơn Dương công suất 90 tấn/ngày.

⁶ trong đó có 2 nhà máy thủy điện: Hàm Thuận 300 MW, Đa Mi 175 MW nằm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

⁷ Dự án điện gió Cầu Đất (68,9MW) đang xây dựng với tổng mức đầu tư 2.212 tỷ đồng; dự án điện gió Đức Trọng (50MW) đang lập thủ tục đầu tư với tổng mức đầu tư dự kiến 2.186 tỷ đồng.

Quyết định chủ trương đầu tư với công suất 163,9 MW (*trong đó 05 thủy điện 25,9 MW, 02 điện gió 98 MW, 01 điện mặt trời 40 MW*).

- Hạ tầng đường dây và trạm biến áp 500 kV: Tổng chiều dài đường dây nằm trên địa bàn tỉnh là 148,479 km; 01 trạm biến áp 500 kV Di Linh với tổng dung lượng 900 MVA đặt tại xã Tân Nghĩa - huyện Di Linh. Trong giai đoạn 2016 - 2021 xây dựng nâng thêm công suất trạm 450 MW.

- Hạ tầng đường dây và trạm biến áp 220 kV: Tổng chiều dài đường dây trên địa bàn tỉnh là 306,097 km⁸, 02 trạm biến áp 220 kV với tổng dung lượng 540 MVA⁹. Trong giai đoạn 2016 - 2021 xây dựng mới đường dây 220 kV có chiều dài 128 Km; cải tạo, mở rộng nâng công suất 02 trạm biến áp với tổng công suất tăng thêm 187 MVA.

- Hạ tầng đường dây và trạm biến áp 110kV: Tổng chiều dài đường dây trên địa bàn tỉnh 453,35 km¹⁰, 09 trạm biến áp 110 kV với tổng dung lượng 420 MVA¹¹. Trong giai đoạn 2016 - 2021 nâng công suất 04 trạm biến áp 110/22kV với công suất tăng thêm 105 MVA.

- Hạ tầng đường dây và trạm biến áp 35 kV: Trạm biến áp 35/22 kV Rô Men - 6,3 MVA cấp điện cho huyện Đam Rông bằng đường dây 35 kV dây AC-95 từ trạm biến áp 35 kV Lắc (*tỉnh Đắk Lắk*) đến trạm biến áp 35/22 kV Rô Men có chiều dài 22 Km.

- Hạ tầng đường dây và trạm biến áp 22 kV: Tổng chiều dài đường dây trên địa bàn tỉnh là 4.103,6km; 7.425 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng là 1.204.477,5 kVA. Trong giai đoạn 2016 - 2021 xây dựng mới đường dây 22 kV với chiều dài 428,15km; số trạm biến áp 22 kV là 379 trạm công suất tăng thêm là: 56,09 MVA.

- Lưới điện hạ thế: Tổng cộng 4.624,7 km¹². Trong giai đoạn 2016 - 2021 xây dựng mới tổng chiều dài đường dây hạ thế 266,74 km.

- Hạ tầng điện nông thôn: Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (*142/142 xã, phường, thị trấn*) có điện từ hệ thống điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân có điện đạt 99,84%; tỷ lệ số hộ ở nông thôn có điện đạt 99,73%.

2.5. Hạ tầng thương mại: Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh tiếp tục được hoàn thiện; hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng xăng dầu và khí hóa lỏng tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng hợp lý, giải quyết tốt các nhu cầu về tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, đóng góp một phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân, cụ thể:

⁸ Trong đó: do ngành điện (Truyền tải điện Lâm Đồng quản lý) 291,64 km, khách hàng quản lý 14,457 km.

⁹ Trong đó: 01 trạm biến áp 220 kV Bảo Lộc dung lượng 290 MVA và 01 trạm biến áp Đức Trọng dung lượng 250 MVA.

¹⁰ Trong đó: do ngành điện quản lý 353,523 km, khách hàng quản lý 99,827 km.

¹¹ Trong đó: Đà Lạt 1 - 80 MW, Đà Lạt 2 - 40 MW, Suối Vàng - 25 MW, Đơn Dương - 40 MW, Đức Trọng - 65 MW, Di Linh - 50 MW, Lâm Hà - 40 MVA, Bảo Lâm - 40 MW và Đạ Tẻh - 40 MW.

¹² Trong đó tài sản ngành điện 4.212,5km, tài sản khách hàng đầu tư là 412,2 km.

+ Hệ thống chợ: Toàn tỉnh hiện có 83 chợ (*07 chợ hạng 1, 04 chợ hạng 2, 72 chợ hạng 3*). Giai đoạn 2016 - 2021, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư mới, mở rộng, nâng cấp, cải tạo 15 chợ, với tổng vốn đầu tư 529,158 tỷ đồng, trong đó: 59,881 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước và 469,277 tỷ đồng từ nguồn của doanh nghiệp, tiểu thương.

+ Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị: Trên địa bàn tỉnh có 02 trung tâm thương mại (*GO! Đà Lạt và Vincom Plaza Bảo Lộc*), 04 siêu thị (*03 siêu thị tổng hợp quy mô hạng 2: GO! Đà Lạt, Coopmart Bảo Lộc, Vinmart Bảo Lộc; 01 siêu thị chuyên doanh điện máy - Điện tử Ý*). Giai đoạn 2016 - 2021, đầu tư xây dựng 05 công trình trung tâm thương mại, siêu thị với tổng vốn đầu tư 539,92 tỷ đồng, từ nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Hệ thống cửa hàng xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng: Đến nay, toàn tỉnh có 337 cửa hàng xăng dầu và 606 cửa hàng bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng đang hoạt động. Giai đoạn 2016 - 2021, trên địa bàn tỉnh đã phát triển được 64 cửa hàng xăng dầu và 267 cửa hàng bán lẻ khí dầu mỏ hoá lỏng.

2.6. Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện. Trong đó tổng các nguồn vốn đầu tư hoàn thiện hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp trong giai đoạn ước khoảng trên 200 tỷ đồng. Đến nay, cơ sở hạ tầng tại 2 khu công nghiệp và 7/10 cụm công nghiệp của tỉnh đã hoàn thành cơ bản các hạng mục đầu tư chính để thu hút đầu tư và phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, góp phần tăng thu ngân sách địa phương, giải quyết nhu cầu việc làm của người dân địa phương và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường chung tại các khu, cụm công nghiệp.

- Hạ tầng các Khu công nghiệp (KCN): Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết, hạ tầng thiết yếu tại KCN Lộc Sơn và Phú Hội cơ bản được đầu tư xây dựng trên phần diện tích được bồi thường, giải phóng mặt bằng. Các KCN có hệ thống đường giao thông, điện, nước cấp, thoát nước mặt và nước thải phục vụ nhu cầu sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp tại các KCN. Tổng kinh phí đầu tư vào xây dựng hạ tầng các KCN đến nay 324,94 tỷ đồng, riêng giai đoạn 2016 - 2021 là 174,22 tỷ đồng. Đến hết năm 2021 KCN Lộc Sơn và Phú Hội có 85 dự án đầu tư còn hiệu lực (*22 dự án FDI*) với tổng vốn đăng ký đầu tư là 4.910 tỷ đồng và 107,74 triệu USD với diện tích đất thuê là 177,65 ha.

- Hạ tầng tại các cụm công nghiệp (CCN): Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 10 CCN được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 352 ha (*trong đó, diện tích đất công nghiệp là 258,97 ha, chiếm 73,57% tổng diện tích đất CCN*). 06/10 CCN đã được UBND tỉnh quyết định thành lập gồm: Gia Hiệp (*huyện Di Linh*), Ka Đô (*huyện Đơn Dương*), Lộc Phát (*thành phố Bảo Lộc*), Lộc Thắng (*huyện Bảo Lâm*), Phát Chi (*thành phố Đà Lạt*) và Đình Văn (*huyện Lâm Hà*). Tổng diện tích 06 CCN đã thành lập là 199,4 ha; tỷ lệ lấp đầy 58,63%; có 35 doanh nghiệp đăng ký hoạt động (*06 dự án FDI*) với tổng vốn đăng ký đầu tư của các dự án là 2.002,51 tỷ đồng và 19,33 triệu USD; tuy nhiên chỉ có

31/35 dự án đang hoạt động. Tổng số lao động trong các CCN là 2.552 người. CCN Lộc Thắng - huyện Bảo Lâm đã thu hút được nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật với kinh phí đã thực hiện đầu tư khoảng 30,97 tỷ đồng.

2.7. Hạ tầng khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông:

- Hạ tầng khoa học và công nghệ: Các dự án triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, kế hoạch UBND tỉnh về phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ đã góp phần nâng cao năng lực và tiềm lực về khoa học và công nghệ, đặc biệt là Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng của tỉnh. Các công trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất sau khi hoàn thành được đưa vào sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và quản lý đúng quy định. Qua đó từng bước nâng dần mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, ngày 15/4/2016 của Chính phủ. Hiện nay, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là tổ chức khoa học và công nghệ tự đảm bảo chi thường xuyên; Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ - là tổ chức khoa học và công nghệ tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông: Thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đề ra, trong giai đoạn vừa qua, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách và cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Các chương trình, dự án, đề án được xây dựng có trọng tâm, trọng điểm với mục tiêu, giải pháp cụ thể, sát với yêu cầu thực tế và được triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông, bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.8. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:

- Trong những năm qua, với sự hỗ trợ của Trung ương, sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự chung sức của các tổ chức, doanh nghiệp và sự đóng góp của nhân dân, hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức sản xuất của ngành. Nhiều dự án, công trình trọng điểm tại các vùng sản xuất tập trung được quan tâm đầu tư, góp phần thay đổi bộ mặt hạ tầng sản xuất nông nghiệp và nông thôn của tỉnh.

- Kết quả thực hiện đầu tư công vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế nông nghiệp có sự tăng trưởng ổn định, công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển nhanh và đa dạng; ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh mẽ theo hướng tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2016 - 2021 bình quân duy trì đạt 5,0 - 5,5% và chiếm khoảng 45,7% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích tăng 146 triệu đồng năm 2015 lên 170 triệu đồng/ha năm 2019; GRDP bình quân đầu người toàn tỉnh tăng từ 45,6 triệu đồng

năm 2015 lên 59,7 triệu đồng năm 2018 và trên 70 triệu đồng năm 2020¹³; đến năm 2020, toàn tỉnh có 101/142 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 01 xã so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đến năm 2021, toàn tỉnh có 107/142 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về phát triển nông nghiệp, nông thôn: Trong giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh Lâm Đồng triển khai nhiều dự hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn như: Dự án Phát triển và sản xuất giống cà phê chất lượng cao; 05 dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VNSAT)...; qua đó, nhiều công trình giao thông nông thôn quan trọng và nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật khác được đầu tư, nâng cấp, giúp nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống của người dân.

- Về vệ sinh và nước sạch nông thôn: Đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,06%, trong đó tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo QCVN là 27,39% (*tương đương 54.217/197.976 hộ*). Năm 2021, tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 91,1% (*tăng 1,04% so với năm 2020*); trong đó, số hộ sử dụng nước sạch là 32,5% (*tăng 5,11% so với năm 2020*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM): Tiếp tục huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn. Toàn tỉnh đầu tư được khoảng 1.900 km đường (*trong đó: Xây dựng mới 705 km, nâng cấp, sửa chữa 1.200 km, đầu tư làm mới và sửa chữa hơn 85/1.600m cầu lớn nhỏ*); tổng nguồn lực huy động cho xây dựng NTM trong giai đoạn 2016 - 2020 là 1.560.707 triệu đồng. Đến nay mạng lưới đường giao thông nông thôn cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

2.9. Hạ tầng giáo dục và đào tạo:

- Quy mô giáo dục tiếp tục được mở rộng phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và xã hội; mạng lưới trường học các huyện, thành phố đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú được củng cố; trang thiết bị dạy học được bổ sung, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được tăng cường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo¹⁴. Cơ sở vật chất trường lớp được cải thiện, tỷ lệ kiên cố hóa tăng lên theo từng năm học, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của tỉnh; tiến độ xây dựng, chất lượng công trình được nâng cao¹⁵.

¹³ Trong đó thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn từ 17,9 triệu đồng năm 2015 lên 37 triệu đồng năm 2018 và trên 40 triệu đồng năm 2020.

¹⁴ Đến nay, toàn tỉnh có 673 trường học, trong đó có 607 trường công lập, chia ra: 231 Trường mầm non (172 trường công lập và 59 trường ngoài công lập), 226 Trường tiểu học (224 trường công lập, 02 trường ngoài công lập và 02 trường chuyên biệt), 157 trường THCS công lập, 59 trường THPT (56 trường công lập và 03 trường ngoài công lập).

¹⁵ Đến năm 2021, tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa ở các cấp học: 7.745/9.138 phòng (tỷ lệ 84,75%), chia ra: Mầm non 1.265/1.957 phòng (64,64%); Tiểu học: 3.410/4.006 phòng (85,12%); THCS: 1.946/2.039 phòng (95,43%); THPT: 1.124/1.136 phòng (98,94%).

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm. Tính đến hết năm 2021, tỷ lệ chung về trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh đạt 494/607 trường (*đạt tỷ lệ 81,38%*).

2.10. Hạ tầng y tế:

Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị của các đơn vị y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp đồng bộ, hiện đại, khang trang sạch đẹp, từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong tỉnh. Bệnh viện đa khoa tỉnh đã hoàn chỉnh trên các mặt hoạt động, bước đầu giải quyết được các bệnh lý phức tạp, chuyên sâu, góp phần hạn chế chuyển bệnh nhân lên tuyến trên và từng bước phát triển các dịch vụ y tế chuyên sâu phân đầu đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra¹⁶.

- Trong giai đoạn 2016 - 2021, hoàn thành và đưa vào sử dụng 22 công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 thuộc lĩnh vực y tế, gồm: 17 trạm y tế xã, phường, thị trấn; Bệnh viện II Lâm Đồng (*quy mô 500 giường*), Bệnh viện Nhi Lâm Đồng (*quy mô 100 giường*); cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế huyện Đơn Dương; Khoa Ung bướu - Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng (*quy mô 40 giường*); dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải và lò đốt rác thải y tế trên địa bàn tỉnh. Xây dựng mới 25 công trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế và đã hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2021¹⁷.

2.11. Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch:

- Về hạ tầng văn hóa: Công tác đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh được chú trọng; quan tâm đầu tư, hoàn thiện các dự án tu bổ, tôn tạo, phục dựng di tích và xây dựng, sửa chữa một số thiết chế văn hóa... qua đó, từng bước hoàn thiện, đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, khắc phục tình trạng xuống cấp của các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu sáng tạo, học tập, trao đổi, hưởng thụ, gìn giữ văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Đến nay, trên địa bàn tỉnh được bố trí khoảng 1.141,544 tỷ đồng để hoàn thiện hệ thống thiết chế và hoạt động văn hóa, thể thao¹⁸. Hiện toàn tỉnh có 139/142 thiết chế văn hóa xã, phường, thị trấn (*đạt tỷ lệ 97,88% với quỹ đất xây dựng trên 53.000m²*); 1.321/1.376 thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng (*đạt tỷ lệ 96%*); hệ thống trang thiết bị cơ bản đáp ứng với nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người dân. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đã góp phần quan trọng đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh, làm cho các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tuyên truyền đến nhân dân và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần

¹⁶ Chỉ tiêu nghị quyết là 80% xã phường thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

¹⁷ Trong đó: năm 2021 hoàn thành 04 dự án (Đầu tư mở rộng Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức tích cực, chống độc Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng; mở rộng khoa Ung Bướu Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng; đầu tư mua sắm Trang thiết bị y tế Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch; mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Nhi Lâm Đồng); hoàn thành 03 dự án sử dụng nguồn vốn ODA (Dự án phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn 2 từ nguồn vốn ODA của Nhật Bản (JICA); Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2 do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ; Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện II Lâm Đồng).

¹⁸ Trong đó từ nguồn ngân sách nhà nước: bố trí vốn cho 36 dự án với tổng số vốn là 1.051,114 tỷ đồng; từ nguồn vốn xã hội hóa: bố trí vốn cho 11 dự án với tổng số vốn là 90,43 tỷ đồng.

cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa trong tỉnh. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết về văn hóa đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra¹⁹.

- Về thể dục thể thao: Hạ tầng thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm đầu tư hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân dân, phục vụ công tác huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng thể thao thành tích cao, tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 Khu liên hợp thể thao (gồm 01 nhà thi đấu đa năng 800 chỗ, 01 sân bóng đá 11 người cỏ nhân tạo). Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh tiếp tục tiến hành xây dựng các hạng mục; dự án Sân vận động Đà Lạt 20.000 chỗ ngồi dự kiến hoàn thành vào quý III/2022. Dự án Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư sẽ khởi công trong năm 2022 và hoàn thiện trong giai đoạn 2022 - 2025. Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao của 12 huyện, thành phố đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và thiết chế thể thao²⁰. Bên cạnh đó, còn có gần 1.400 sân tập thể thao, công trình thể thao khác do các tổ chức và cá nhân xây dựng và khai thác hoạt động hiệu quả.

- Về hạ tầng du lịch: Được quan tâm đầu tư; đặc biệt là hạ tầng của Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm và một số dự án du lịch trọng điểm. Tiếp tục cải thiện chủ trương, chính sách thu hút đầu tư; công tác cải cách hành chính ngày càng được quan tâm đã tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án, nhiều dự án du lịch được đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch của tỉnh; chất lượng dịch vụ được nâng lên, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch cơ bản đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng của du khách²¹.

(Kèm theo Bảng tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết theo từng lĩnh vực)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm: Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, các cấp các ngành đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết; kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nhiều lĩnh vực đạt và vượt so với mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết. Trong đó:

¹⁹ 107/111 xã được công nhận và công nhận lại danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 96,4% (vượt chỉ tiêu 10,9%); 27/31 phường, thị trấn đạt “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” đạt tỷ lệ 88% (vượt chỉ tiêu 08%); 865/877 thôn đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 99% (vượt chỉ tiêu 09%); 444/499 tổ dân phố được công nhận, công nhận lại danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 90% (đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết).

²⁰ Gồm: 05 sân vận động có khán đài và 121 sân thể thao dành cho các hoạt động thể thao - văn hóa, có 8 nhà thi đấu đa năng; trong đó có 03 nhà thi đấu đa năng trên 1.000 chỗ ngồi của thành phố Bảo Lộc, huyện Lạc Dương và huyện Lâm Hà do Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao quản lý.

²¹ Toàn tỉnh có 142 dự án du lịch, dịch vụ với tổng vốn đăng ký khoảng 52.060 tỷ đồng, quy mô diện tích 12.463 ha; trong đó: có 134 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký khoảng 49.613 tỷ đồng, quy mô diện tích 11.449 ha; 08 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư là 2.446 tỷ đồng, quy mô diện tích 1.013 ha. Có 42 dự án đã hoàn thành toàn bộ và đưa vào hoạt động kinh doanh (chiếm 29,6%), 65 dự án đang triển khai và hoạt động một phần (chiếm 45,8%) và 35 dự án đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (chiếm 24,6%); tổng vốn đầu tư đã thực hiện khoảng 6.945,8 tỷ đồng. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch Lâm Đồng ngày càng nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 2.762 cơ sở lưu trú du lịch; trong đó, có 455 khách sạn từ 1 - 5 sao với 12.884 phòng (41 khách sạn cao cấp từ 3 - 5 sao với 4040 phòng); 49 đơn vị kinh doanh lữ hành - vận chuyển du lịch (34 doanh nghiệp lữ hành quốc tế); 36 khu, điểm tham quan du lịch, 33 điểm du lịch canh nông và 03 sân golf 18 lỗ được đầu tư, khai thác kinh doanh cùng với hơn 60 điểm tham quan khác.

- Nhận thức của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương được nâng lên rõ rệt; chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng được cải thiện.

- Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, thời gian qua một số công trình trọng điểm của tỉnh đã và đang được triển khai thực hiện quyết liệt, trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai thêm một số công trình góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo kết cấu hạ tầng của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trên tất cả các ngành, lĩnh vực.

- Kết cấu hạ tầng ở một số lĩnh vực, địa phương cơ bản được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã góp phần nâng cao thu nhập của người dân khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm nghèo và phát triển bền vững.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế chung

- Lâm Đồng là tỉnh có diện tích lớn, địa hình trải dài và bị chia cắt rõ rệt, vị trí cách xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, làm cho việc đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ gặp rất nhiều khó khăn do chi phí đầu tư cao; môi trường đầu tư ít hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chiến lược, nhất là đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa theo kịp nhu cầu phát triển, chưa tạo ra dư địa, động lực cho sự phát triển, một số đồ án quy hoạch còn chậm triển khai...

- Nhu cầu về nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng của tỉnh là rất lớn, nhất là trong giai đoạn tập trung toàn lực với quyết tâm cao để hoàn thành các dự án giao thông, thủy lợi trọng điểm của tỉnh, phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh với mục tiêu đến năm 2025 là tỉnh phát triển khá của cả nước; định hướng chiến lược đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước và đến năm 2045, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, ngân sách tỉnh còn phụ thuộc một phần vào nguồn hỗ trợ của Trung ương. Trong khi đó, việc tranh thủ, huy động các nguồn lực bên ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng còn hạn chế, đang là điểm nghẽn của sự phát triển, nhiều lĩnh vực được xem là thế mạnh của tỉnh như: Du lịch, bất động sản nghỉ dưỡng, giáo dục - đào tạo đến nay vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư chiến lược.

- Kết quả đầu tư kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa tạo được bước chuyển biến đột phá, động lực quan trọng cho sự phát triển, nguyên nhân chính là do việc đầu tư còn bị dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; các địa phương chưa chủ động trong khai thác các nguồn lực phục vụ cho đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Lâm Đồng là tỉnh có tỷ lệ rừng lớn, việc đầu tư phát triển hạ tầng liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng thường khó khăn và vướng mắc nhiều trong thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng. Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) gặp

hiều khó khăn, thách thức; thường kéo dài và ảnh hưởng đến tiến độ của hầu hết các dự án phát triển hạ tầng.

2.2. Hạn chế trong từng lĩnh vực cụ thể

a. Hạ tầng giao thông:

- Nhu cầu đầu tư hạ tầng giao thông phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là rất lớn nhưng việc huy động các nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa chưa đảm bảo mục tiêu đề ra (*đầu tư chủ yếu là từ ngân sách nhà nước*). Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đang dần thắt chặt, kế hoạch vốn hàng năm ưu tiên xử lý nợ đọng, vốn vay.

- Liên kết vùng còn thiếu tính đồng bộ; nhiều tuyến đường Quốc lộ (27, 28, 28B, 55) hiện đang xuống cấp nghiêm trọng nhưng chậm được đầu tư đầu tư nâng cấp; nhiều tuyến đường tỉnh (ĐT.722, ĐT.721, ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và ĐT.729) chỉ khai thác từng đoạn, chưa thông toàn tuyến; chưa có đường cao tốc kết nối với các tỉnh phía Nam làm cho thời gian và chi phí đi lại tăng nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư lớn có tiềm lực đầu tư vào địa bàn tỉnh. Hệ thống giao thông ở cơ sở (*gồm: đường huyện, xã và giao thông nông thôn*) nhìn chung chất lượng còn thấp, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa. Hạ tầng giao thông đô thị, nhất là tại thành phố Đà Lạt được đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Do yếu tố địa hình, khí hậu nên chi phí đầu tư các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh thường cao hơn so với địa phương khác trong khi tỉnh chưa đảm bảo cân đối ngân sách nên nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng giao thông còn thiếu, chưa đáp ứng mục tiêu, định hướng đề ra. Việc triển khai công tác bồi thường, GPMB của một số dự án đầu tư chậm tiến độ so với yêu cầu, nhất là việc khảo sát, xác định hệ số giá đất thị trường làm cơ sở tính toán giá trị bồi thường còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông chưa được giải quyết, khắc phục kịp thời như: Đèo Bảo Lộc, cống S'Trăng, QL.55,...; tình trạng vi phạm quy định về quy hoạch và trật tự xây dựng, vi phạm về hành lang an toàn đường bộ còn diễn ra ở nhiều địa phương chưa được chấn chỉnh, xử lý nghiêm.

b. Hạ tầng thủy lợi:

- Một số công trình thủy lợi được xây dựng lâu năm bằng công nghệ cũ; đến nay thiếu kinh phí sửa chữa, nâng cấp nên xuất hiện nguy cơ mất an toàn, không phát huy hết công suất thiết kế công trình; công tác đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi còn hạn chế do chưa đủ nguồn lực thực hiện; công tác đầu tư chưa đồng bộ, kéo dài, khả năng khai thác, sử dụng chưa cao.

- Trong những năm qua, các hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện với tần suất nhiều hơn và cường độ mạnh hơn, đặc biệt xuất hiện thêm hiện tượng mưa đá, lốc xoáy; tình trạng hạn hán trong mùa khô ngày càng khắc nghiệt hơn. Các giải pháp lâu dài để ứng phó với biến đổi khí hậu chưa được chú trọng thực hiện; kỹ năng trong ứng phó khi có thiên tai xảy ra của người dân còn thấp.

c. Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Đầu tư kết cấu hạ tầng đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đô thị cần nguồn vốn lớn; mặc dù được quy hoạch tương đối đồng bộ nhưng do thiếu vốn đầu tư nên ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; việc xã hội hóa đầu tư các

dịch vụ công ích tuy tranh thủ được nguồn vốn ngoài ngân sách nhưng còn bộc lộ những vấn đề bất cập trong quản lý vận hành (*như xử lý rác thải đã xảy ra tại thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc*).

d. Hạ tầng năng lượng:

- Nguồn năng lượng tái tạo của tỉnh Lâm Đồng chủ yếu là: Thủy điện, điện gió và điện mặt trời nhưng hiện nay quỹ đất để khai thác còn hạn chế; những vị trí có tiềm năng gió, bức xạ mặt trời thì ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp của người dân, ảnh hưởng đến rừng, vì vậy nguồn năng lượng điện gió và điện mặt trời tại Lâm Đồng chưa được phát triển.

- Không chủ động được trong việc đầu tư phát triển hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điện trên địa bàn tỉnh do theo quy định “*Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm điện, công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ để bán điện*”; nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống điện, hiện đại hóa lưới điện rất lớn, do đó không thể cân đối nguồn ngân sách ứng vốn cho ngành điện đầu tư.

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015 - 2020 do Bộ Công thương phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tại Quyết định số 11823/QĐ-BCT, ngày 30/10/2015 với tổng mức đầu tư là 559 tỷ đồng nhưng chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư.

e. Hạ tầng thương mại:

- Chưa hình thành được các chợ đầu mối phân phối rau, hoa, nông sản có quy lớn; các trung tâm phân phối nguyên phụ liệu và phân phối hàng tiêu dùng; các kho hàng; tổng kho (*bao gồm cả kho lạnh, trung tâm logistic*).

- Việc kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại còn hạn chế; chính sách ưu đãi đầu tư phát triển riêng cho ngành phân phối bán lẻ nói riêng và cho hệ thống hạ tầng thương mại nói chung còn thiếu hấp dẫn.

g. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp:

- Công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và kêu gọi xã hội hóa đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các CCN còn nhiều hạn chế do tồn tại cụm dân cư/đất sản xuất của các hộ dân trong diện tích quy hoạch các CCN dẫn đến chi phí giải phóng mặt bằng cao, ảnh hưởng đến việc thu hút nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN và thu hút các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN; hạ tầng đầu tư từng phần, không đồng bộ và chưa hoàn thiện.

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các CCN còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu đến chân hàng rào các CCN và đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các CCN.

h. Hạ tầng khoa học công nghệ, thông tin truyền thông:

- Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ chưa được ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn; hệ thống doanh nghiệp thiếu tiềm lực đổi mới công nghệ và thiết bị; mạng lưới hoạt động khoa học và công nghệ thiếu cán bộ chuyên trách, năng lực còn hạn chế nên gặp khó khăn trong quản lý và chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; việc đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, các phòng

thí nghiệm, thử nghiệm còn chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông chưa đồng bộ, trong đó chủ yếu phát triển tại các khu vực đô thị, một số địa bàn thuộc các xã khu vực vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông, còn sự chênh lệch lớn về mức hưởng thụ và tiếp cận thông tin giữa các khu vực; việc duy trì điểm bưu điện văn hóa xã trên địa bàn tỉnh hiện nay còn gặp nhiều khó khăn; việc ngầm hóa hạ tầng mạng cáp còn hạn chế.

i. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Mặc dù rất được quan tâm đầu tư trong thời gian qua, tuy nhiên hạ tầng nông nghiệp, nông thôn của tỉnh vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân; chất lượng đường giao thông nông thôn, đặc biệt là giao thông nội đồng còn thấp; nhiều công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn bị xuống cấp nhưng chưa có vốn để đầu tư cải tạo, sửa chữa, nhất là các công trình phục vụ tưới tiêu.

k. Hạ tầng giáo dục và đào tạo: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa nhìn chung còn thiếu và chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng còn hạn chế; số phòng học xuống cấp còn nhiều; nhiều trường chưa có phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thực hành; cơ sở vật chất một số trường học không đáp ứng yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày; việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tuy có nhiều cố gắng nhưng tỷ lệ vẫn còn thấp. Thu hút đầu tư xã hội hóa vào giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa hình thành được các trung tâm đào tạo chất lượng cao với quy mô lớn.

l. Hạ tầng y tế: Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khám chữa bệnh ở một số nơi còn thiếu hoặc đã bị xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp kịp thời; năng lực khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh còn chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, dẫn đến tình trạng khám, chữa bệnh vượt tuyến còn phổ biến. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực y tế còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

m. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch:

- Về hệ thống thiết chế văn hóa: Nguồn ngân sách và quỹ đất để đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác xã hội hóa về hoạt động, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn còn chậm đổi mới, chưa huy động được các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động văn hóa ở cơ sở.

- Về hạ tầng thể thao: Công tác quy hoạch quỹ đất, đầu tư kinh phí xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao tuy được quan tâm, đầu tư xây dựng nhưng ở vùng sâu, vùng xa cơ sở vật chất vẫn chưa đáp ứng kịp nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân. Công tác xã hội hóa thể dục, thể thao chưa thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ tập luyện và thi đấu, đặc biệt đối với hoạt động tài trợ, kinh doanh dịch vụ thể thao chuyên nghiệp; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, chăm sóc vận động viên chưa đảm bảo. Đơn vị huấn luyện thể thao thành tích cao đang gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, thiếu trang thiết bị hiện đại và chế độ cho vận động viên trong quá trình luyện tập, thi đấu.

- Về phát triển hệ thống du lịch: Một số dự án triển khai không đảm bảo tiến độ đề ra; một số nhà đầu tư không đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị để triển khai dự án, việc chấp hành các quy định của nhà nước về đầu tư, đất đai, xây dựng, quản lý bảo vệ rừng còn có những mặt hạn chế. Chưa có nhiều nhà đầu tư chiến lược, có năng lực thực thụ để triển khai các dự án du lịch có quy mô lớn, loại hình mới lạ, hấp dẫn, cao cấp.

3. Bài học kinh nghiệm

- Công tác tuyên truyền: Thường xuyên quan tâm tuyên truyền Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân. Đối tượng được tuyên truyền phải hiểu rõ về vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đề ra đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện: Các thành ủy, huyện ủy phải ban hành nghị quyết hoặc kế hoạch cụ thể để triển khai trên địa bàn; các sở, ban, ngành liên quan chủ động xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch thực hiện Nghị quyết của cơ quan, đơn vị; kế hoạch phải đề ra chỉ tiêu và giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện; cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Nghị quyết để kịp thời phát hiện và khắc phục những khó khăn, vướng mắc.

- Tổ chức thực hiện: Các sở, ban, ngành, địa phương phải chủ động trong công tác phối hợp triển khai các công việc theo chức năng nhiệm vụ, song song với hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch, kịp thời báo cáo, phản ánh, đề xuất các giải pháp triển khai nội dung kế hoạch đạt hiệu quả.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch

- Quan tâm, chú trọng đến chất lượng công tác lập quy hoạch tỉnh, trong đó đảm bảo tích hợp kịp thời, đầy đủ các quy hoạch ngành, lĩnh vực, nhằm mục tiêu đảm bảo khai thác có hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa những lợi thế của từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, rà soát quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và lập mới quy hoạch theo đúng Kế hoạch lập quy hoạch vùng huyện và Kế hoạch triển khai lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch trọng điểm của tỉnh: Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện; Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận; quy hoạch chung huyện Đức Trọng;...

- Tổ chức thực hiện Đề án Làng Đô thị xanh tại thành phố Đà Lạt theo nội dung, định hướng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh cải cách hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Chương trình hành động số 689/CTr-UBND, ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của Lâm Đồng; thu hút các nhà đầu tư chiến lược; tìm kiếm thị trường xuất khẩu những mặt hàng có giá trị cao mà tỉnh có lợi thế; thường xuyên cập nhật thông tin, dự báo thị trường xuất khẩu, nhập khẩu và thông báo, hướng dẫn đến doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để giúp định hướng, tổ chức kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp; tăng cường công tác quản lý thị trường, chống sản xuất, kinh doanh buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ, chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận đầy đủ các thông tin về định hướng và kế hoạch đầu tư phát triển kinh - tế xã hội của tỉnh, các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, ưu đãi đầu tư; các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, các nguồn vốn vay...

3. Thu hút và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả

Nhu cầu nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025 là rất lớn, trong điều kiện hiện nay, nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn hỗ trợ của Trung ương cho đầu tư kết cấu hạ tầng chỉ đáp ứng được một phần nhất định. Do đó, để đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra cần thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Về quan điểm chỉ đạo: cần có sự vào cuộc quyết liệt, mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị nhằm tranh thủ tối đa các nguồn lực, đồng thời với việc quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó lấy nguồn lực công là chất đệm, chất xúc tác quan trọng cho sự phát triển, nguồn lực tư là nguồn lực chủ yếu quyết định sự phát triển.

- Tiếp cận, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trong việc bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, đặc biệt là các công trình trọng điểm, cấp bách của tỉnh.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng tâm, trọng điểm của tỉnh đã được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, sớm đưa dự án đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Chủ động lên kế hoạch trong việc thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thuộc các ngành, lĩnh vực, trong đó cần chủ động mời gọi các nhà đầu tư có năng lực và tiềm lực

thực thụ để triển khai các dự án lớn, cùng với việc chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thể triển khai thu hút đầu tư ngay sau khi công bố danh mục hoặc ngay sau khi có các nhà đầu tư quan tâm.

- Đẩy mạnh chủ trương xã hội hoá trong đầu tư, tranh thủ sự tham gia của các doanh nghiệp, người dân trong việc tham gia đối ứng thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư; cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí trong quá trình triển khai dự án, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của nhà nước của doanh nghiệp và của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tình hình triển khai các dự án đầu tư, từ đó nắm bắt đầy đủ, chính xác về tình hình triển khai các dự án đầu tư, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các chủ đầu tư, nhà đầu tư khắc phục, xử lý các khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ thực hiện; đồng thời qua hoạt động kiểm tra, giám sát để phát hiện các chủ đầu tư, nhà đầu tư cố tình làm sai các quy định của nhà nước trong hoạt động đầu tư, từ đó có biện pháp xử lý đạt hiệu quả.

4. Sử dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư

- Đẩy mạnh tiến độ triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai đối với cấp huyện; tập trung rà soát toàn bộ các dự án đầu tư có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, từ đó có giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án giá đất, thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định canh - định cư, triển khai xây dựng công trình đảm bảo tiến độ được phê duyệt.

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai đạt hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, hiệu quả, khai thác tốt tiềm năng đất đai để phát triển; hạn chế việc sử dụng đất chông chéo, lãng phí, kém hiệu quả, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái, kìm hãm phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm công cụ pháp lý hữu hiệu để hỗ trợ quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời làm căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

- Tuyên truyền, vận động người dân tích cực ủng hộ chủ trương của Nhà nước trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư; tham gia hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TỪNG LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Hạ tầng giao thông

- Thực hiện đảm bảo chất lượng việc tích hợp quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong xây dựng Quy hoạch vùng tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thu hút, huy động tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế, nhất là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo hình thức đối tác công tư để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; ưu tiên nguồn lực tăng cường kết nối giao thông đối ngoại gồm: Các tuyến đường tỉnh ĐT.721, ĐT.722, ĐT.725, ĐT.729, đường vành đai, đường tránh đô thị thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các trục kết nối liên vùng huyện....

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong huy động, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư các dự án giao thông trọng điểm có tính chất kết nối liên vùng theo chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia, quy hoạch vùng tỉnh Lâm Đồng, quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận ^[22].

- Tăng cường công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý bảo trì đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ để đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt, hạn chế tình trạng hư hỏng, xuống cấp đối với các tuyến quốc lộ ủy thác và các đường tỉnh. Hoàn thành hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp các tiện ích về ứng dụng giao thông thông minh trên địa bàn thành phố Đà Lạt và một số đô thị trong tỉnh.

2. Về hạ tầng đô thị

- Làm tốt công tác quản lý, phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch: Chuẩn bị tốt các điều kiện để lập thủ tục đề xuất công nhận cấp đô thị cho toàn huyện Đức Trọng theo Đề án mở rộng đô thị để trở thành thị xã (*cấp hành chính*); rà soát các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật các đô thị giai đoạn 2022 - 2025 để xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đề ra các giải pháp nâng cao tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị.

- Ngay sau khi Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh được phê duyệt, triển khai đôn đốc các địa phương lập và trình Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị; rà soát và lập đề án phân loại đô thị đối với các đô thị dự kiến nâng thành loại IV trong giai đoạn 2022 - 2025; đầu tư và kêu gọi đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải đối với các đô thị từ loại IV trở lên.

- Đẩy mạnh việc đầu tư, khai thác các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật theo hướng xã hội hóa, tập trung vào hệ thống mạng lưới cung cấp nước sinh hoạt, kết hợp đầu tư cải tạo hệ thống đường ống, lắp đặt đồng hồ với quản lý tiết kiệm, giảm thất thoát nước sạch, nâng tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch đạt trên 80% vào năm 2025. Thực hiện tốt công tác quản lý, duy tu hệ thống hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường. Thực hiện việc thu gom, xử lý nguồn chất thải rắn phát sinh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại để nâng tỷ lệ rác thu gom và xử lý đạt trên 95% vào năm 2025.

²² Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, các tuyến quốc lộ 27 (đoạn K'Rông Nô - Phi Nôm), các quốc lộ 55, 27C,... mở rộng, khai thác các tuyến bay nội địa, quốc tế đi/đến Cảng hàng không Liên Khương; nâng cấp sân bay Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E và trở thành sân bay quốc tế theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức nghiên cứu, thu hút đầu tư khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, cải tạo nâng cấp ga Đà Lạt theo định hướng quy hoạch ngành quốc gia; kêu gọi đầu tư tuyến đường sắt đô thị TP.Đà Lạt theo định hướng quy hoạch chung TP.Đà Lạt và vùng phụ cận.

- Đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng. Chú trọng đầu tư các công trình hào, tuynel kỹ thuật; hạ ngầm các đường dây điện, cáp nổi tại các đô thị loại IV trở lên để đáp ứng nhu cầu phát triển và đảm bảo mỹ quan đô thị trong tương lai.

- Tập trung, ưu tiên dành nguồn lực ngân sách nhà nước để phát triển đối với 02 đô thị là thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc (*trong đó cần quan tâm đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt*) để tạo cơ sở, động lực khách quan thúc đẩy sự phát triển của các đô thị khác tại hai cực Bắc và Nam Lâm Đồng.

3. Hạ tầng cung cấp năng lượng

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lâm Đồng được phê duyệt theo quy định của Luật Điện lực, gồm: Quyết định số 4175/QĐ-BCT, ngày 06/11/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 2689/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2025.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án án đầu tư điện gió, thủy điện, điện mặt trời đã được quyết định chủ trương đầu tư; tiếp tục thu hút các nhà đầu tư đối với các dự án nằm trong danh mục kêu gọi thu hút đầu tư thuộc lĩnh vực.

4. Về hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Tập trung nguồn lực ưu tiên cho đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng thiết yếu tại KCN Lộc Sơn và KCN Phú Hội như: Đường giao thông, hệ thống thu gom và thoát nước mặt, trạm xử lý nước thải tập trung, điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, giải phóng mặt bằng hoàn thiện phần diện tích đất còn lại theo quy hoạch,... nhằm đảm bảo tính đồng bộ kết cấu hạ tầng KCN, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định; không gây tác động xấu đến môi trường.

- Tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ Chương trình khuyến công để đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa,...

- Tổ chức các lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức liên kết với các trường, trung tâm đào tạo trong và ngoài tỉnh để đào tạo nhân lực theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp (*lý thuyết tại Trường, thực hành tại Doanh nghiệp*). Tạo việc làm, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

5. Về hạ tầng thương mại

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025 và Kế hoạch số 8640/KH-UBND, ngày 28/12/2018 về việc đầu tư phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Lâm Đồng.

- Đẩy mạnh việc thực hiện mô hình Doanh nghiệp, Hợp tác xã trực tiếp quản lý chợ; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa,

nhất là trung tâm thương mại, siêu thị, các chuỗi bán lẻ hàng hóa tiện ích, chợ truyền thống; cung ứng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, kinh doanh.

6. Về hạ tầng nông nghiệp nông thôn

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy hoạch của ngành theo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp với yêu cầu cơ bản như: Xem xét đến tác động biến đổi khí hậu, gắn chặt giữa các lĩnh vực của ngành (*cấp nước tưới cho cây trồng, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao...*).

- Tiếp tục đầu tư thực hiện các công trình, dự án dở dang, chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025²³; tranh thủ các nguồn lực để đảm bảo triển khai dự án theo đúng kế hoạch²⁴; đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng 12 vùng nông nghiệp công nghệ cao trong 19 vùng đã được quy hoạch, đầu tư.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 1620/KH-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn hồ, đập thủy lợi trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Kế hoạch số 7948/KH-UBND, ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn; giữ vững và nâng cao chất lượng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tập trung phát triển sản xuất, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đổi mới quan hệ sản xuất ở nông thôn tạo động lực để xây dựng nông thôn mới; phát triển các mô hình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, có cơ sở hạ tầng phát triển, phục vụ sản xuất và đời sống, có môi trường sinh thái bền vững; xác định các địa bàn theo thứ tự ưu tiên phấn đấu đạt các tiêu chí nông thôn mới; thực hiện đầu tư đồng bộ, trong đó chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương và các quy định có liên quan.

7. Về hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường học: Căn cứ Luật Quy hoạch 2017 và các quy chuẩn bảo đảm chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; chỉ đạo các huyện, thành phố tổ chức rà soát quy hoạch mạng lưới trường học đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch mới cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày

²³ Hồ chứa nước Đa Sĩ (Hợp phần 2 - Hệ thống kênh); Hồ chứa nước Đa Lây (Hợp phần 2 - Hệ thống kênh); Công trình Hồ chứa nước Đắc lòng thượng giai đoạn 2; Nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi Tuyền Lâm, Định An; Các dự án ODA WB8, WB21, VN Sat.

²⁴ Hồ chứa nước Ta Hoét; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Hệ thống dự báo lũ, giám sát và điều hành hồ chứa và Bảng dự báo cấp cháy rừng điện tử thuộc Đề án Đà Lạt thành phố thông minh

03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sắp xếp các điểm trường lẻ, sáp nhập các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ tại các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 và của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân học tập, phù hợp với tình hình địa phương và đảm bảo chế độ chính sách đối với nhà giáo.

- Tích cực vận động, thu hút các nguồn kinh phí đầu tư từ các chương trình, dự án; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác; thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án, các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; tích cực huy động xã hội hóa giáo dục, huy động vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng giáo dục theo phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”. Công khai, minh bạch trong huy động đầu tư xã hội hóa giáo dục từ phụ huynh, học sinh và các tổ chức, cá nhân, tạo niềm tin trong xã hội.

8. Về hạ tầng y tế

Tiếp tục quan tâm, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài thông qua các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, phục vụ tốt nhất nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

9. Về hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

- Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến các cơ sở nhằm phát huy công năng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Triển khai chương trình chuyển đổi số ngành thư viện, bảo tàng nhằm nâng cao năng lực hoạt động và hình thành mạng lưới thư viện, bảo tàng hiện đại góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các trang thiết bị tập luyện và thi đấu các môn thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia tại phường 7, thành phố Đà Lạt.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng vừa phục vụ cho xã hội vừa phục vụ cho yêu cầu phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm, làng nghề có tiềm năng phát triển du lịch. Phấn đấu thu hút được các nhà đầu tư lớn để thực hiện các dự án trọng điểm về du lịch của tỉnh.

10. Về hạ tầng khoa học và công nghệ

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ

cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ của tỉnh trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác về kết quả thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đã triển khai trong cả giai đoạn đề xác định cụ thể nhu cầu cho giai đoạn tiếp theo.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, nguồn huy động thông qua hoạt động xã hội hóa trên một số lĩnh vực và đặc biệt là quan tâm hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ tại các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động trong một số ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

11. Về hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng bưu chính: Phát triển, mở rộng hệ thống dịch vụ, mở rộng không gian hoạt động mới; thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạng bưu cục dưới hình thức đại lý đa dịch vụ đến các khu dân cư, điểm du lịch, khu công nghiệp.

- Phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng viễn thông: Duy trì các điểm giao dịch công cộng hiện có, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm giao dịch ở các khu đô thị mới, khu dân cư mới, khu công nghiệp mới, khu du lịch của tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân, du khách. Phát triển mới các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ. Cung cấp dịch vụ đăng ký, thanh toán, bán thẻ tự động; xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện; triển khai tắt sóng 2G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, nâng cấp mạng di động 4G theo các định hướng phát triển lĩnh vực viễn thông; triển khai các giải pháp phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin:

+ Đầu tư phát triển hạ tầng số; phát triển dữ liệu; phát triển nền tảng số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số; phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai hiệu quả các nghị quyết, chương trình của Trung ương, của tỉnh về phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; triển khai thực hiện tốt Đề án “*Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh*” giai đoạn 2018 - 2025.

+ Hoàn thiện nền tảng cơ bản xây dựng chính quyền điện tử theo Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 2.0; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước. Xây dựng chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân; xây dựng thành công chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Lâm Đồng. Hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ công dân, doanh nghiệp, nâng cao tương tác giữa chính quyền, người dân, doanh nghiệp, cung cấp dữ liệu mở.

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng TW Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT3.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn